

Tăng tỷ trọng

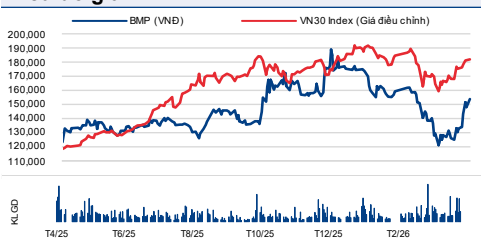
Giá mục tiêu: VNĐ153,000

Tiềm năng tăng/giảm: -0.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/4/2026)	153,800
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	121,200-188,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	151,133
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,590
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	478
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	83.3%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,510	6,061	6,545
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,755	1,680	1,681
LNTT (tỷ đồng)	1,539	1,456	1,424
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,229	1,163	1,137
FCF (tỷ đồng)	1,093	1,101	958
EPS ĐC (đồng)	15,010	14,201	13,889
DPS (đồng)	15,000	14,000	13,500
BVPS (đồng)	35,150	35,352	35,741
T.trưởng EBITDA (%)	23.3	(4.28)	0.07
T.trưởng EPS ĐC (%)	24.0	(5.39)	(2.20)
Tăng trưởng DPS (%)	25.1	(6.67)	(3.57)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	31.9	27.7	25.7
Tỷ suất LNTTT (%)	27.9	24.0	21.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	22.3	19.2	17.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.9	98.6	97.2
Nợ thuần/VCSH (%)	(8.26)	(4.90)	(4.40)
ROAE (%)	44.0	40.3	39.1
ROACE (%)	59.2	55.4	54.7
EV/doanh thu (lần)	1.92	1.77	1.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.03	6.40	6.43
P/E ĐC (lần)	10.2	10.8	11.1
P/B (lần)	4.38	4.35	4.30
Lợi suất cổ tức (%)	9.75	9.10	8.78

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 6% so với cùng kỳ, vượt 7% dự báo

- BMP ghi nhận lợi nhuận thuần Q1/2026 đạt 304 tỷ đồng – tăng 6% so với cùng kỳ và cao hơn 7% so với dự báo của HSC nhờ chi phí đầu vào giảm – trên doanh thu thuần 1.457 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ).
- Sản lượng tiêu thụ trong quý đạt 23.820 tấn, đi ngang so với cùng kỳ (sát với dự báo), qua đó đưa thị phần ước tính lên 25,2% so với mức 24,3% trong năm 2025. Sản lượng ghi nhận yếu trong 2 tháng đầu năm 2026 tuy nhiên chương trình khuyến mãi 5% kéo dài 1 tháng (triển khai từ ngày 26/2) đã kích cầu hiệu quả giúp hỗ trợ KQKD Q1/2026.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 19% trong 1 tháng qua và diễn biến tích cực hơn VN Index, BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,5 lần, so với bình quân 3 năm ở mức 9,2 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đồng thời cũng đang rà soát lại các dự báo đối với BMP.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

Vào ngày 20/4, BMP đã công bố KQKD Q1/2026 mà chúng tôi đánh giá là tương đối tích cực. Lợi nhuận thuần đạt 304 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và vượt 7% so với dự báo của HSC, nhờ tỷ suất lợi nhuận cao hơn kỳ vọng. Chi tiết như sau:

Doanh thu tăng 5% nhờ giá bán bình quân thực tế tăng

Mặc dù sản lượng tiêu thụ ước tính đi ngang so với cùng kỳ (và tăng 8% so với quý trước) đạt 23.820 tấn, HSC cho rằng BMP đã đạt mức giá bán bình quân thực tế cao hơn so với cùng kỳ, một phần nhờ chiến lược khuyến mãi được điều chỉnh về mức bình thường. Cụ thể, trong tháng 3/2025, BMP áp dụng mức chiết khấu bổ sung kỷ lục 8%; tuy nhiên, sang tháng 3/2026, Công ty triển khai mức khuyến mãi thấp hơn là 5%. Kết hợp với sự cải thiện của cơ cấu sản phẩm, điều này giúp doanh thu Q1/2026 tăng 5% so với cùng kỳ đạt 1.457 tỷ đồng, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi và tương đương 24% dự báo doanh thu cho cả năm 2026 của chúng tôi ở mức 6.061 tỷ đồng (tăng trưởng 10%, dựa trên giả định sản lượng tăng trưởng 10% đạt 102.963 tấn và giá bán bình quân đi ngang).

Chúng tôi ước tính thị phần của BMP trong Q1/2026 đạt 25,2%, tăng đáng kể so với mức 21,3% trong Q4/2025 và mức bình quân 24,3% của năm 2025. Mặc dù mức cải thiện này là đáng ghi nhận nhưng chủ yếu được thúc đẩy nhờ chương trình khuyến mãi triển khai từ ngày 26/2. Xét về yếu tố chiến thuật, thời điểm triển khai chưa thực sự tối ưu khi chương trình được khởi động chỉ hai ngày trước khi tình hình Trung Đông bắt đầu leo thang. Giả sử Công ty dự báo trước được sự thất chặt nguồn cung và áp lực chi phí sau đó thì hẳn đã không cần phải áp dụng mức chiết khấu mạnh như vậy để thúc đẩy nhu cầu, bỏ lỡ một phần dư địa cải thiện biên lợi nhuận.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, BMP

KQKD tích cực với lợi nhuận thuần tăng 6% , cao hơn ước tính của HSC 7%

Tỷ đồng	1Q26	So với cùng kỳ	So với quý trước	2026F	Tăng trưởng	% dự báo cả năm HSC
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	23,820	0.2%	8.0%	102,963	10.0%	23.1%
Doanh thu	1,457	5.4%	13.3%	6,061	10.0%	24.0%
Lợi nhuận thuần	304	5.9%	16.3%	1,163	-5.4%	26.1%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	20.9%	+0.2 ppts	+0.6 ppts	19.2%	-3.1 ppts	

Nguồn: BMP, HSC

Tỷ suất lợi nhuận vẫn ở mức cao do tác động từ Trung Đông chưa được phản ánh

BMP ghi nhận lợi nhuận thuần Q1/2026 đạt 304 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ (tăng 16% so với quý trước) và cao hơn dự báo của HSC (vượt 7% dự báo Q1; tương đương 26,1% dự báo cho cả năm 2026), chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận duy trì ở mức cao trong quý. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q1/2026 đạt 47,2%, tăng mạnh so với mức 42,7% trong Q1/2025 và hơi cao hơn mức 47% trong Q4/2025. Mức cải thiện đáng kể so với cùng kỳ chủ yếu đến từ chênh lệch trong chiến lược giá và khuyến mãi như đã đề cập ở trên. Tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 20,9% trong Q1/2026 so với 20,7% trong Q1/2025 và 20,3% trong Q4/2025.

Ở cấp độ chi phí, chi phí bán hàng & quản lý ở mức 282 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ (và tăng 21% so với quý trước), chủ yếu do chương trình khuyến mãi kéo dài 1 tháng kể từ cuối tháng 2. Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng lên 19,3% so với mức 15,5% trong Q1/2025 và 18,2% trong Q4/2025.

Lỗ tài chính ở mức 27,8 tỷ đồng, tăng so với mức 18,6 tỷ đồng trong Q1/2026 nhưng giảm mạnh so với mức 44,7 tỷ đồng trong Q4/2025. Nguyên nhân chủ yếu là do thay đổi trong chính sách chiết khấu thanh toán dành cho nhà phân phối và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tác động từ Trung Đông sẽ dần phản ánh trong Q2/2026

Thị trường hạt nhựa PVC tiếp tục biến động mạnh. Sau khi tăng 66% so với mức trước chiến sự lên 1.160 USD/tấn vào đầu tháng 4, giá hạt nhựa PVC gần đây đã điều chỉnh xuống 920-950 USD/tấn. Dù đã điều chỉnh, giá vẫn tăng 25-27% từ đầu năm đến nay và so với cùng kỳ. Việc tăng mạnh 20-25% giá bán bình quân từ đầu tháng 4 – 20% đối với BMP và 25% đối với NTP (chưa khuyến nghị) – đã bù đắp được phần lớn mức tăng của chi phí đầu vào, chuyển phần chi phí này sang người tiêu dùng và giúp giảm áp lực lên tỷ suất lợi nhuận ghi nhận trong tháng 3.

Tuy nhiên, nếu giá hạt nhựa PVC duy trì ở mức cao trong dài hạn thì lợi nhuận thuần của các doanh nghiệp nhựa sẽ khó tránh khỏi bị ảnh hưởng. Đáng chú ý, KQKD Q1/2026 chưa phản ánh đầy đủ mức tăng chi phí đầu vào gần đây. Do một số doanh nghiệp đã tích trữ hàng tồn kho giá thấp đến hết tháng 4 nên tác động của chi phí tăng nhiều khả năng sẽ dần thể hiện từ Q2/2026. HSC không lo ngại về gián đoạn chuỗi cung ứng và chúng tôi lưu ý rằng nhu cầu ống nhựa vẫn ổn định bất chấp giá bán tăng, được hỗ trợ nhờ hoạt động xây dựng duy trì tích cực tại Việt Nam.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 19% trong 1 tháng qua và diễn biến tích cực hơn VN Index, BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,5 lần, so với mức bình quân 3 năm là 9,2 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu; đồng thời, chúng tôi cũng đang rà soát lại các dự báo..

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,616	5,510	6,061	6,545	7,004
Lợi nhuận gộp	1,989	2,540	2,504	2,635	2,741
Chi phí BH&QL	(676)	(877)	(897)	(1,034)	(1,072)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,313	1,663	1,607	1,601	1,670
Lãi vay thuần	(83.6)	(129)	(156)	(182)	(207)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(0.50)	1.08	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	11.6	4.08	4.49	4.85	5.19
LNTT	1,241	1,539	1,456	1,424	1,468
Chi phí thuế TNDN	(250)	(310)	(293)	(287)	(296)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	991	1,229	1,163	1,137	1,172
Lợi nhuận thuần ĐC	991	1,229	1,163	1,137	1,172
EBITDA ĐC	1,424	1,755	1,680	1,681	1,758
EPS (đồng)	12,103	15,010	14,201	13,889	14,319
EPS ĐC (đồng)	12,103	15,010	14,201	13,889	14,319
DPS (đồng)	11,990	15,000	14,000	13,500	14,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	504	297	208	200	59.5
Đầu tư ngắn hạn	1,410	1,760	1,697	1,636	1,611
Phải thu khách hàng	178	129	198	214	229
Hàng tồn kho	464	525	606	655	805
Các tài sản ngắn hạn khác	40.6	47.0	51.8	55.9	59.8
Tổng tài sản ngắn hạn	2,596	2,758	2,760	2,761	2,765
TSCĐ hữu hình	278	309	349	389	426
TSCĐ vô hình	6.32	6.20	18.1	21.1	23.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	4.00	4.00	4.00	4.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	61.8	62.9	62.9	62.9	62.9
Tài sản dài hạn khác	256	239	303	327	350
Tổng tài sản dài hạn	604	620	737	804	867
Tổng cộng tài sản	3,200	3,379	3,497	3,565	3,632
Nợ ngắn hạn	54.9	54.9	60.6	65.5	70.0
Phải trả người bán	172	111	185	196	213
Nợ ngắn hạn khác	174	227	249	268	287
Tổng nợ ngắn hạn	481	484	586	621	662
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	499	501	603	639	680
Vốn chủ sở hữu	2,702	2,877	2,894	2,926	2,952
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,702	2,877	2,894	2,926	2,952
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,200	3,379	3,497	3,565	3,632
BVPS (đ)	33,003	35,150	35,352	35,741	36,060
Nợ thuần/(tiền mặt)	(449)	(243)	(147)	(135)	10.5

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,313	1,663	1,607	1,601	1,670
Khấu hao	(111)	(92.5)	(72.8)	(80.4)	(88.4)
Lãi vay thuần	(83.6)	(129)	(156)	(182)	(207)
Thuế TNDN đã nộp	(259)	(302)	(293)	(287)	(296)
Thay đổi vốn lưu động	(118)	(10.1)	90.1	(43.2)	(132)
Khác	33.4	(11.5)	(26.3)	(13.1)	0.76
LCT thuần từ HKKD	889	1,216	1,226	1,081	1,041
Đầu tư TS dài hạn	(97.7)	(123)	(125)	(123)	(129)
Góp vốn & đầu tư	(1,130)	(1,288)	(63.0)	(60.6)	(25.5)
Thanh lý	911	940	(87.7)	101	24.6
Khác	80.1	92.3	100	94.8	89.1
LCT thuần từ HĐĐT	(237)	(379)	(176)	11.9	(40.4)
Cổ tức trả cho CSH	(969)	(1,044)	(1,146)	(1,105)	(1,146)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(0.27)	0	5.71	4.85	4.58
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(970)	(1,044)	(1,140)	(1,100)	(1,141)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	821	504	297	208	200
LCT thuần trong kỳ	(317)	(207)	(89.6)	(7.66)	(141)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.03	0.05	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	504	297	208	200	59.5
Dòng tiền tự do	792	1,093	1,101	958	913

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	43.1	46.1	41.3	40.3	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	30.9	31.9	27.7	25.7	25.1
Tỷ suất LNT (%)	21.5	22.3	19.2	17.4	16.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	20.2	20.2	20.2	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.5)	19.4	10.00	8.00	7.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(5.39)	23.3	(4.28)	0.07	4.57
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.83)	24.0	(5.39)	(2.20)	3.09
Tăng trưởng EPS (%)	(4.83)	24.0	(5.39)	(2.20)	3.09
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(4.83)	24.0	(5.39)	(2.20)	3.09
Tăng trưởng DPS (%)	(5.22)	25.1	(6.67)	(3.57)	3.70
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.1	99.9	98.6	97.2	97.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	36.8	44.0	40.3	39.1	39.9
ROACE (%)	48.4	59.2	55.4	54.7	56.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.43	1.67	1.76	1.85	1.95
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.68	0.73	0.76	0.68	0.62
Số ngày tồn kho	64.4	64.5	62.2	61.1	69.0
Số ngày phải thu	24.7	15.9	20.3	20.0	19.6
Số ngày phải trả	23.9	13.7	19.0	18.3	18.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(16.3)	(8.26)	(4.90)	(4.40)	0.57
Nợ/tài sản (%)	1.95	1.77	1.89	2.00	2.10
EBIT/lãi vay (lần)	15.7	12.9	10.3	8.81	8.07
Nợ/EBITDA (lần)	0.04	0.03	0.04	0.04	0.04
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.40	5.70	4.71	4.45	4.18
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.32	1.92	1.77	1.65	1.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.53	6.03	6.40	6.43	6.25
P/E (lần)	12.7	10.2	10.8	11.1	10.7
P/E ĐC (lần)	12.7	10.2	10.8	11.1	10.7
P/B (lần)	4.66	4.38	4.35	4.30	4.27
Lợi suất cổ tức (%)	7.80	9.75	9.10	8.78	9.10

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn